

TIÊU CHÍ THƯ VIỆN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Đoàn Quang Hiếu

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Trần Công Khoa

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Phú Yên

Trần Dương

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng của các cơ sở giáo dục là ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào giáo dục đại học. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học về tiêu chí thư viện là việc đảm bảo quá trình vận hành và phục vụ nhu cầu tài nguyên thông tin đến người dùng tin là người dạy và người học. Chất lượng của tài nguyên thông tin là thước đo cho việc chuyển đổi số trong các chương trình đào tạo của trường đại học và là cơ sở đảm bảo chất lượng đầu ra cho sản phẩm đào tạo của trường đại học. Bài viết làm rõ khái niệm về chuyển đổi số và chuyển đổi số trong tiêu chí thư viện, phân tích thực trạng và đưa ra những giải pháp, kiến nghị chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học về tiêu chí thư viện.

Từ khóa: Chuyển đổi số; chuyển đổi số thư viện; kiểm định chất lượng giáo dục đại học; tiêu chí thư viện

LIBRARY CRITERIA WITH DIGITAL TRANSFORMATION IN HIGHER EDUCATION QUALITY ACCREDITATION

Astract: Digital transformation in the educational quality accreditation of educational institutions is the application of information technology, the digital and the internet information systems in higher education in the digital era. The quality educational accreditation of higher education on library criteria is the guarantee of the operation and service of information resource needs to users who are teachers and learners. The quality of information resources is a measure for digital transformation in undergraduate curriculum and a basis for ensuring the output quality of training services at universities. The article clarifies the concept of digital transformation and digital transformation in library criteria, analyzes the status and proposes the solutions, and petitions for digital transformation in the educational quality accreditation of higher education in library criteria.

Keywords: Digital transformation; digital transformation in library; higher education quality accreditation; library criteria.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là vấn đề đang được xã hội, nhà tuyển dụng và các cơ sở giáo dục đại học đặc biệt quan tâm. Nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của kiểm định chất lượng ở các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần quyết định chất lượng giáo dục đại học là nguồn tài nguyên thông tin cho người học (sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh). Theo quy định, mỗi môn học giảng viên phải xây dựng đề cương môn học trong đó, phải có giáo trình, bài giảng, và các tài liệu tham khảo cần thiết mà giảng viên đề nghị người học tham khảo. Nơi cung cấp giáo trình, bài giảng, và các tài liệu tham khảo cần thiết của trường đại học là thư viện. Kiểm định chất lượng giáo dục gồm có kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (thường gọi là kiểm

định trường) và kiểm định chất lượng chương trình giáo dục (gọi là kiểm định chương trình). Ở bài viết này, nhóm tác giả chỉ nghiên cứu và xem xét đến kiểm định chương trình, trong đó phân tích thực trạng và kiến nghị một số giải pháp về việc chuyển đổi số theo tiêu chí kiểm định giáo trình và tài liệu tham khảo (GT&TLTK) môn học nhằm tạo tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo và là nguồn tham khảo cho các thư viện đại học trong nước quan tâm đến vấn đề kiểm định theo tiêu chí thư viện.

1. KHÁI NIỆM CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THƯ VIỆN VÀ KHÁI QUÁT KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Khái niệm chuyển đổi số trong thư viện

Có rất nhiều khái niệm “chuyển đổi số” được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đưa ra. Ở Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông (2021) định nghĩa: “Chuyển đổi số là quá

trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số” [Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021].

Tương tự, các tác giả nước ngoài cũng đưa ra khái niệm về “chuyển đổi số”, cụ thể Sandhu, G., (2018) cho rằng “Chuyển đổi số không chỉ đơn giản là số hóa tài liệu mà còn liên quan đến tầm nhìn, chiến lược, con người, quy trình và công nghệ”; Bharath Kumar V, (2022) cho rằng: Khái niệm chuyển đổi số là sự kết hợp của hai thuật ngữ khác nhau, một là kỹ thuật số và một là chuyển đổi,... Trong bối cảnh này thì chuyển đổi số được xem là “hành động hoặc quá trình thay đổi từ dạng hiện có sang dạng kỹ thuật số”.

Vậy chuyển đổi số thư viện là gì? Theo Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” thì chuyển đổi số thư viện là: “Ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; đảm bảo cung ứng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập” [Vũ Đức Đàm, 2021].

Theo tác giả Nguyễn Thị Đông (2020): “Chuyển đổi số thư viện là quá trình số hoá các nguồn tư liệu hiện có trong các cơ quan thông tin - thư viện, ứng dụng công nghệ số thích hợp để xử lý nguồn tư liệu số hoá đó cho tạo lập các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện có giá trị gia tăng, tối ưu hoá quy trình nghiệp vụ nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thông tin - thư viện trong đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin của xã hội, phục vụ kịp thời tiến trình phát triển của đất nước, thông qua đó hình thành văn hoá số trong khai thác và sử dụng thông tin của cộng đồng xã hội”.

Theo tác giả Dương Thị Thu Thủy (2019), chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin - thư viện là tất cả các quy trình, thông tin và dữ liệu mà thư viện sở hữu và sản sinh ra đều được lưu trữ và kết nối với nhau một cách tự động và thông suốt. Tối ưu hóa công tác quản trị, tương tác của viên chức thư viện và sử dụng các dịch vụ thư viện của người dùng.

Từ những khái niệm nêu trên, theo nhóm tác giả khái niệm “chuyển đổi số trong thư viện” được hiểu là việc ứng dụng các tiến bộ về công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT,) dữ liệu lớn (Big data) ... vào vận hành mọi hoạt động của thư viện, và không chỉ đơn thuần

là thay đổi cách thực hiện công việc từ thủ công, truyền thống (ghi chép trong sổ sách, họp trực tiếp...) sang ứng dụng công nghệ để giảm thiểu sức người. Trên thực tế, chuyển đổi số trong thư viện đóng vai trò thay đổi tư duy số, phương thức hoạt động số, công tác quản lý điều hành, ra quyết định dựa trên các ứng dụng số mà thư viện thu thập, phân tích được và đặc biệt là kiến tạo văn hóa tổ chức số theo hướng hội nhập với xu thế công nghệ phát triển ngành thư viện trong nước cũng như trên thế giới. Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm tác giả chỉ tìm hiểu và trình bày chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học về tiêu chí thư viện.

1.2. Khái quát về kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1.2.1. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam

Từ năm 2007 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, chu kỳ và quy trình kiểm định; hệ thống các văn bản quy định về công tác đánh giá và kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo cùng các hướng dẫn cụ thể các tiêu chuẩn dùng để làm công cụ thực hiện. Hệ thống văn bản quy định về công tác đánh giá và kiểm định các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo ngày càng đầy đủ, đánh dấu sự hoàn thiện về quá trình chuyển giao các phương pháp đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên cả nước, chuẩn bị tiến đến kiểm định chất lượng toàn diện. Ngày 01/11/2007 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học với 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí. Đến năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ tiêu chuẩn mới với 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí trong kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục [Trần Dương và cộng sự., 2021].

Luật giáo dục (2019) quy định: “Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành”.

Theo tác giả Trần Dương và cộng sự (2021): “Kiểm định chất lượng thư viện đại học là một trong những yêu cầu của kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, là yếu tố nhằm đảm bảo tài nguyên thông tin phục vụ cho quá trình giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục về chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho người dạy và người học”.

1.2.2. Tiêu chuẩn của thư viện trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2007 có tiêu chuẩn 9, đánh giá chất lượng bao gồm các cơ sở trang thiết bị và hạ tầng, trong đó có tiêu chí riêng về thư viện là 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

Trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của AUN-QA được áp dụng tại Việt Nam năm 2018 không có tiêu chí riêng cho thư viện nhưng trong tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất có tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, duy trì, đánh giá và cải tiến các nguồn lực học tập như tài nguyên thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ công đồng được thiết lập và thực hiện.

Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có đề cập “Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành”.

2. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỀ TIÊU CHÍ THƯ VIỆN

Trước đổi mới cho đến những năm gần đây thực tiễn công tác thư viện đại học thường có hoạt động bổ sung theo chủ quan của viên chức phụ trách bổ sung của thư viện. Thư viện tự quyết định việc bổ sung tài liệu trong thư viện, điều này dẫn đến tình trạng tài nguyên thông tin trong thư viện không đáp ứng được nhu cầu tin của người dùng, đặc biệt là không đáp ứng yêu cầu của người học và đồng bộ với tài nguyên học tập trong các chương trình đào tạo và đề cương môn học. Người dùng tin ở đây chúng ta đang đề cập chính là người học và giảng viên. Vì vậy, các bên liên quan có vai trò quan trọng trong việc tổ chức xây dựng đề cương môn học và tài liệu học tập đồng bộ với tài nguyên thông tin của thư viện đại học, chỉ khi đồng bộ giữa tài liệu học tập trong đề cương môn học và tài nguyên trong thư viện thì mới đáp ứng được nhu cầu tin của người học. Và cũng qua đề cương môn học là cơ sở để thư viện có chính sách bổ sung tài nguyên thông tin đáp ứng với nhu cầu của người dùng. Nhưng

thực tế một thời gian dài, thư viện đại học chưa thể làm được việc phối hợp giữa thư viện và người dùng để bổ sung những nguồn tài nguyên thông tin đáp ứng với nhu cầu và có giá trị học thuật trong các thư viện đại học ở Việt Nam.

Ở các nước phương Tây nói chung người ta đã thực hiện việc phối hợp trên từ khi họ thực hiện chương trình giáo dục đại học theo học chế tín chỉ và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Thực tiễn tại các thư viện đại học ở Việt Nam thì ngược lại, khi các trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục trong đó có tiêu chí thư viện thì thư viện mới được quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đặc biệt là việc phối hợp giữa giảng viên và viên chức thư viện trong việc bổ sung nguồn tài nguyên thông tin đúng với đề cương môn học trong chương trình đào tạo mà giảng viên đã xây dựng. Thông qua kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo các trường đại học thì giảng viên cũng như thư viện mới nhìn nhận lại vị trí, vai trò của thư viện và cán bộ thư viện trong các cơ sở giáo dục đại học. Thực tiễn bắt cập như đã nêu trên, nhưng khi thực hiện việc phối hợp bổ sung tài nguyên thông tin, rà soát GT&TLTK môn học theo từng mã môn học đã xảy ra nhiều vướng mắc, chưa đồng bộ giữa giảng viên và thư viện. Cụ thể, thực hiện rà soát môn học theo danh mục GT&TLTK môn học của khoa, bộ môn và giảng viên xây dựng nhưng số lượng GT&TLTK môn học không có trong hệ thống của thư viện rất nhiều. Có trường hợp quy định GT&TLTK môn học ít nhất là 3 tài liệu phải có trong hệ thống thư viện, thực tế thì giảng viên cho 5 hoặc 10 tài liệu, thậm chí có mã môn học giảng viên cho đến 30 hoặc 40 tài liệu nhưng tài liệu có trong thư viện rất ít, thậm chí không có.

Các bên tham gia xây dựng đề cương môn học là khoa, bộ môn và giảng viên. Trong đề cương có phần GT&TLTK môn học, thư viện và viên chức phụ trách kiểm định là cầu nối có trách nhiệm tư vấn, rà soát, báo cáo và phản hồi cho khoa, bộ môn, giảng viên để xem tài liệu nào đã có, tài liệu nào chưa có trong hệ thống thư viện để có hướng cập nhật đầy đủ, kịp thời với mục đích có một danh mục đầy đủ nguồn GT&TLTK cho từng môn học trước lúc kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Thực tế, trong quá trình thực hiện, khoa, bộ môn và giảng viên cho rằng nhiệm vụ trên là trách nhiệm của thư viện và khi xây dựng danh mục phục vụ kiểm định thì viên chức thư viện phải rà soát và phản hồi rất nhiều lượt giữa thư viện và khoa chủ quản. Điều này rất mất thời gian và công sức giữa các bên liên quan và không mang lại kết quả khả quan.

Tình trạng giảng viên đưa những tài liệu không có trong hệ thống thư viện hoặc các cơ sở dữ liệu thư viện vào phần danh mục tài liệu học tập khi xây dựng đề cương môn học. Minh họa dưới đây

là dữ liệu thô ban đầu giảng viên gửi và thư viện thực hiện rà soát cho mã môn học có tên (KT465) trên file excel.

KT465	Kinh tế sử dụng đất	Land economics, Richard T Ely - 333.73/E37	562		x		
		Economics, real estate, and the supply of land / Alan W. Evans.- Oxford, UK: Blackwell, 2004.- xiv, 258 p.: ill.; 25 cm, 9781405118620.- 333.337/ E92	MON.065889		x		
		Evans, A.W. (2003), Economics and Land Use Planning, Blackwell Publishing Inc.			x	Economics and land use planning / Alan W. Evans.- Oxford: Blackwell Pub., 2004.- xii, 209 p.: ill.; 25 cm, 9781405118613.- 333.73/ E92	MON.065884
		Stevenson, G.G. (1991), Common Property Economics: A General Theory and Land Use Applications, Cambridge University Press.			x		

Hình 1. Dữ liệu thô ban đầu đối sánh tài nguyên học tập của mã môn học giữa giảng viên và thư viện

Và kết quả sau khi rà soát, phản hồi, cập nhật, đi đến thống nhất và xuất danh mục cuối cùng phục vụ kiểm định ở hình 2 minh họa cho mã

môn học có mã số (KT465) và được cập nhật vào phần mềm tài liệu môn học phục vụ kiểm định ở minh họa (Hình 2).

1. Chọn mã học phần
Mã học phần

Trưởng Kinh tế -
Kinh tế nông nghiệp -
☐ TL Chưa có (beta) ☒ Tài liệu đã nhập

2. Danh mục tài liệu học phần: Phân tích giá trong nông nghiệp - KT465

Thêm tài liệu
Tài liệu có tại thư viện

Thông tin tài liệu	Số DKCB	MFN/Freq.from2018	Ghi chú	Xử lý
[1] Agricultural marketing and price analysis / F. Bailey Norwood, Jayson L. Lusk.- Upper Saddle River, N.J.: Prentice-Hall, 2008.- xi, 445 p.: ill.; 24 cm, 9780132211215.- 338.13/ N894	PTNT.002253	224622 /freq.		☐ ☒
[2] Agricultural product prices / William G. Tomek, Harry M. Kaiser.- 5th ed.- Ithaca: Cornell University Press, 2014.- xi, 394 p.: 24 cm, 9780801452307.- 338.130973/ T656	MON.065890	242830 /freq.		☐ ☒
[3] Kinh tế vi mô= Principles of microeconomics / N Gregerogy Mankiw Principles of microeconomics.- 6th edition.- Hà Nội: Hồng Đức, 2016.- 558 tr.; 24 cm, 9786048690724.- 338.5/ M266	MON.058655	220918 /freq.		☐ ☒

Tài liệu bên ngoài thư viện

Hình 2. Giao diện phần mềm quản lý tài liệu môn học phục vụ kiểm định

Hình 3 minh họa đề cương mã môn học (KT465) được công khai sau khi các bên liên quan đồng ý thống nhất thực hiện và công bố trên trang

điện tử của trường ở địa chỉ: <https://cse.ctu.edu.vn/images/upload/daotao/decuong/KT318.pdf> [Trường Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ, 2023]

11. Tài liệu học tập:

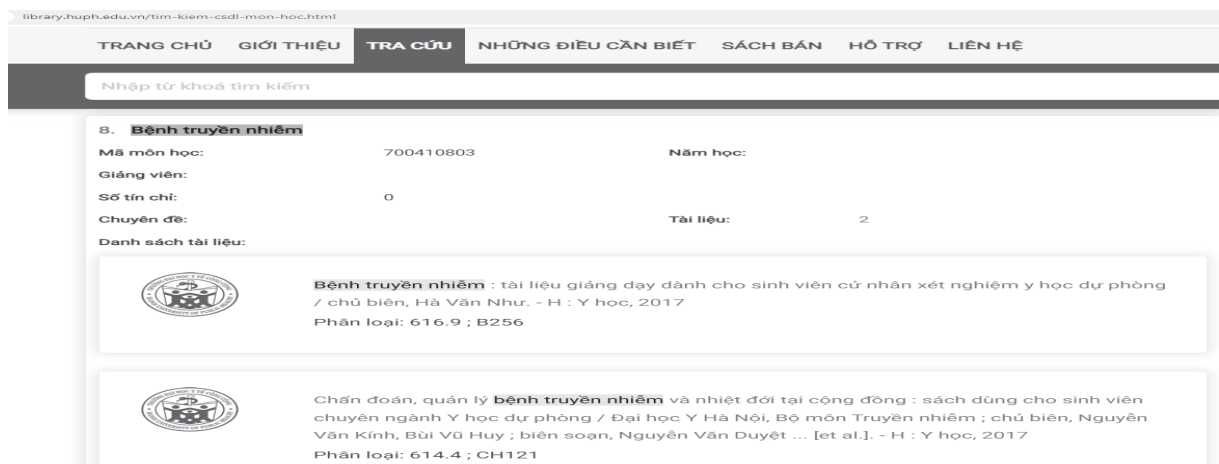
Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Agricultural marketing and price analysis / F. Bailey Norwood and Jayson L. Lusk, 9780132211215.- 338.13/ N894	PTNT.002253
[2] Agricultural product prices / William G. Tomek, Harry M. Kaiser.- 5th ed.- Ithaca: Cornell University Press, 2014.- xii, 394 p.; 24 cm, 9780801452307.- 338.130973/ T656	MON.065890
[3] Kinh tế vi mô= Principles of microeconomics / N Gregerogy Mankiw, 9786048690724.- 338.5/ M266	MON.058655

Hình 3. Danh mục tài liệu học tập trong đề cương chi tiết học phần/môn học đã được công bố trên trang thông tin của đơn vị chủ quản

Từ những minh họa trên, bài viết cho thấy thực trạng chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục về tiêu chí thư viện đã được cải thiện hơn, đồng bộ từ các Khoa, Phòng, Ban liên quan để xuất ra số liệu thống nhất phục vụ công tác kiểm định đạt kết quả cao.

Hiện nay, trong quá trình chuyển đổi số của thư viện đại học còn một số hạn chế, vướng mắc. Các đơn vị cung cấp các phần mềm về cơ bản chưa có phân hệ kiểm định, phân hệ quản lý cơ sở dữ liệu môn học nhằm liên thông với tài nguyên thông tin trong thư viện. Đây là yêu cầu mới đặt ra nhằm đáp ứng với thực tế của kiểm định chất

lượng giáo dục của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Đã có một số đơn vị cung cấp phần mềm đáp ứng được yêu cầu kiểm định của tiêu chí thư viện. Các phần mềm cung cấp được phân hệ kiểm định và cơ sở dữ liệu môn học như KIPOS, phần SLIB đã góp phần đưa chuyển đổi số trong kiểm định tiêu chí thư viện đáp ứng với yêu cầu kiểm định của các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, số các đơn vị cung cấp phần mềm có các phân hệ hỗ trợ kiểm định vẫn còn hạn chế, mới chỉ có một số đơn vị cung cấp phần mềm phát triển thêm nên đầu đó vẫn chưa có sự đồng bộ.



Hình 4. Giao diện CSDL của Phần mềm SLIB tại Trung tâm TT-TV, Trường Đại học Y tế Công cộng [Trung tâm TT-TV, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2023].

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Giải pháp

Ứng dụng phần mềm quản lý trong công tác thực hiện rà soát GT&TLTK môn học phục vụ kiểm định. Thư viện các trường đại học cần đầu tư hoặc tự phát triển, mua phần mềm chuyên dụng để đồng bộ thống nhất, cập nhật và cung cấp số liệu, thống kê, báo cáo thống nhất giữa thư viện và các phòng, ban của trường cho các đoàn kiểm định. Các đơn vị cung cấp phần mềm cần bổ sung module/phân hệ kiểm định nếu chưa có trong phần mềm đã cung cấp cho các thư viện đại học trước đó.

Phần mềm rà soát tài liệu học phần phục vụ kiểm định là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong công tác tự đánh giá thực trạng của các thư viện đại học phải hội đủ các yếu tố và chức năng quản trị và tương tác như: xuất số liệu, tính cập nhật và nhận biết, vòng quay tài liệu, thân thiện trong tương tác.

Khoa, bộ môn và giảng viên phụ trách phải xây dựng một danh mục (gọi là danh mục cuối cùng)

gồm tất cả GT&TLTK môn học có trong hệ thống thư viện sau đó gửi về thư viện để bộ phận chuyên trách rà soát kiểm tra lần cuối và nhập vào phần mềm phục vụ kiểm định để xuất số liệu báo cáo cấp trên và đoàn kiểm định khi có yêu cầu.

3.2. Kiến nghị

Nâng cao nhận thức của giảng viên, viên chức thư viện phụ trách hoạt động kiểm định về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong hoạt động rà soát, kiểm tra, báo cáo, thống kê số liệu về GT&TLTK môn học phục vụ kiểm định. Từ đó, giúp họ sử dụng thành thạo các bước, các ứng dụng mà chuyển đổi số mang lại trong quá trình thực hiện.

Xây dựng tiêu chí bổ sung và cập nhật tài liệu đồng bộ từ giảng viên, các bộ môn, các khoa và thư viện theo một tiêu chuẩn. Việc cập nhật và đề xuất bổ sung tài nguyên thông tin phải bắt đầu từ việc giảng viên xây dựng đề cương các học phần/môn học của các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục. Đưa tiêu chuẩn bổ sung và cập nhật tài nguyên học

tập của cơ sở giáo dục vào bộ tiêu chuẩn ISO của nhà trường, trên cơ sở của Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học.

Hoàn thiện hệ thống pháp lý đối với sản phẩm là GT&TLTK được số hoá; kiến nghị cấp trên có chính sách số hoá tách bạch rõ ràng đâu là tài sản bản quyền và sở hữu trí tuệ của cá nhân, đâu là tài sản thuộc về cơ quan tổ chức. Tài liệu nào cần phải thoả thuận, xin phép các cá nhân, nhà xuất bản để số hoá. Bản thân thư viện và viên chức phụ trách phải nắm rõ đâu là tài liệu thuộc diện đang bảo hộ bản quyền, đâu là tài liệu đã hết hạn bảo hộ và thuộc về công chúng. Để từ đó, sản phẩm số hoá ra đời tránh được sự vướng mắc về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ, chú trọng đầu tư kết nối hạ tầng công nghệ thông tin. Trong đó, đầu tư mạng 5G, công nghệ RFID là mục tiêu phải sớm hướng tới để đảm bảo cho vận hành phần mềm tương tác giữa giảng viên và viên chức thư viện.

Tiến tới xây dựng bộ tiêu chuẩn kiểm định nội bộ thư viện đại học đáp ứng các tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

KẾT LUẬN

Chuyển đổi số trong công tác thư viện nói chung, công tác phục vụ kiểm định giáo dục đại học theo tiêu chí thư viện nói riêng có liên quan đến nhiều khía cạnh như: tầm nhìn, chiến lược, con người, quy trình và giải pháp công nghệ. Thư viện đại học có chuyên môn và tư duy cao là những người sớm áp dụng các công nghệ mới để thực hiện các hoạt động về nội dung số, bảo quản số, lưu trữ số, và chuyển đổi số trong các quy trình công việc chuyên môn v.v. Do đó, vai trò của thư viện đại học trong quá trình chuyển đổi số của các trường đại học trở thành trọng tâm. Chỉ những trường đại học luôn phù hợp và tận dụng được sức mạnh của kỹ thuật số cũng như thực hiện chuyển đổi số tập trung mới có thể tồn tại và phát triển trong kỷ nguyên số.

Tối ưu hóa quy trình kiểm định chất lượng giáo dục cho tiêu chí thư viện là một trong những thành quả to lớn mà chuyển đổi số mang lại. Việc thực hiện chuyển đổi số trong công tác kiểm định theo tiêu chí thư viện cũng là tối ưu hóa quy trình của một hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cho thư viện. Qua đó, quy trình làm việc của các bộ phận, phòng ban được sắp xếp hợp lý, liền mạch và tự động. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian,

nhân lực và tài chính, mặt khác còn mang lại trải nghiệm tuyệt vời cho cả nhân viên và người dùng của thư viện, các đoàn kiểm định,... khi các hoạt động được thực hiện thông suốt thống nhất, dễ kiểm soát và báo cáo trong công tác kiểm định theo tiêu chí thư viện mà các tổ chức kiểm định đã đề ra. Chuyển đổi số trong hoạt động thông tin - thư viện có thể được xem là một trong những điểm khởi đầu và nền tảng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học của các cơ sở giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bharath Kumar V. (2022). Digital Transformation: Need for the Transformation of Libraries into Digital Libraries. Conference: International Conference on Digital Technologies and Transformation in Academic Libraries (DigiTAL-2019), 4.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021). Cẩm nang chuyển đổi số (Tái bản có chỉnh sửa, cập nhật bổ sung năm 2021). Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông. 168 tr.
3. Dương Thị Thu Thủy (2019). Chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện. Tối ưu hoá quản trị tri thức số: Chính phủ - Doanh nghiệp - Thư viện (sách chuyên khảo), Tr. 681 - 699.
4. Nguyễn Thị Đông (2020). Chuyển đổi số với hoạt động thông tin - Thư viện .Hội thảo chuyển đổi số trong hoạt động thông tin Khoa học và Công nghệ, Tr. 41 - 49.
5. Sandhu, G. (2018). The Role of Academic Libraries in the Digital Transformation of the Universities. 2018 5th International Symposium on Emerging Trends and Technologies in Libraries and Information Services (ETTLIS), PP. 292 - 296. <https://doi.org/doi:10.1109/ETTLIS.2018>
6. Trần Dương, Nguyễn Thị Đào, Phan Thị Dung (2021). Một số yêu cầu của thư viện trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Tạp chí Thông tin và Tư liệu, Số 2, Tr. 30 - 36.
7. Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học y tế Công cộng (2023). Tìm kiếm dữ liệu môn học, Truy cập từ <https://library.huph.edu.vn/tim-kiem-csdl-mon-hoc.html> ngày 20 tháng 10 năm 2023.
8. Trường Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ (2023). Đề cương chi tiết học phần, Truy cập từ <https://cse.ctu.edu.vn/images/upload/daotao/decuong/KT318.pdf> ngày 20 tháng 10 năm 2023.
9. Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-02-2024;
Ngày phản biện đánh giá: 8-4-2024;
Ngày chấp nhận đăng: 15-9-2024).